

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /QĐ-SXD

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021
của Sở Xây dựng**

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UB ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho các cơ quan đơn vị thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính
- Lưu :VT, VP.Hồng

GIÁM ĐỐC

Trần Nam Bình

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG KH

Chương: 419

Biểu số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SXD ngày 08/01/2021 của Sở Xây dựng Khánh Hòa)

ĐVT: tr.đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Cơ quan Sở Xây dựng	Thanh tra Sở	Trung tâm QLN & CC	Trung tâm QH&KĐ XD KH
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí	914	914	914			
1.1	Lệ phí	294	294	294			
	- Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng	15	15	15			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ môi giới, định giá	30	30	30			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động XD	100	100	100			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động XD	40	40	40			
	- Lệ phí cấp phép quy hoạch	100	100	100			
	- Lệ phí đăng ký công bố hợp quy	1	1	1			
	- Lệ phí cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài	8	8	8			
1.2	Phí thẩm định, thẩm tra	620	620	620			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	310	310	310			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	604	604	604			
3.1	Lệ phí	294	294	294			
	- Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng	15	15	15			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ môi giới, định giá	30	30	30			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động XD	40	40	40			
	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động XD	100	100	100			
	- Lệ phí cấp phép quy hoạch	100	100	100			
	- Lệ phí đăng ký công bố hợp quy	1	1	1			
	- Lệ phí cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài	8	8	8			
3.2	Phí thẩm định, thẩm tra	310	310	310			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.162	10.162	5.946	3.184	985	47
	Chi quản lý nhà nước	9.100	9.100	5.946	3.154		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.267	6.267	3.697	2.570		
1.1	Kinh phí tiền lương theo ND47/2016/NĐ-CP;	4.727	4.727	2.744	1.983		
1.2	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.540	1.540	953	587		
2	Kinh phí cải cách tiền lương	923	923	529	394		

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Cơ quan Sở Xây dựng	Thanh tra Sở	Trung tâm QLN & CC	Trung tâm QH&KĐ XD KH
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.910	1.910	1.720	190		
3.1	Bổ sung chế độ lễ, tết Nguyên Đán	76	76	46	30		
3.2	Kinh phí thẩm định giá VLXD	180	180	180			
3.3	Kinh phí hoạt động của HĐ tư vấn nhà đất tỉnh	36	36	36			
3.4	Kinh phí hoạt động của BCD chính sách nhà ở và Thị trường bất động sản	45	45	45			
3.5	Kinh phí của HĐ xác định giá bán nhà ở cũ	9	9	9			
3.6	Kinh phí đề án thu thập bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản năm 2021	198	198	198			
3.7	Kinh phí lập kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nhà ở đô thị tỉnh Khánh Hòa năm 2021	198	198	198			
3.8	Kinh phí lập kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nhà ở đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 định hướng đến năm 2030	450	450	450			
3.9	Kinh phí lập và công bố chỉ số giá xây dựng	360	360	360			
3.10	Kinh phí lập bộ đơn giá dịch vụ công ích	198	198	198			
3.11	Kinh phí trang phục Thanh tra	30	30		30		
3.12	Kinh phí bồi dưỡng CBCC làm công tác tiếp công dân theo Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND	130	130		130		
	Chi hoạt động sự nghiệp	1.032	1.032	0	30	985	47
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	601	601	0	0	601	
1.1	Kinh phí tiền lương theo ND47/2016/ND-CP;.. (KTX Sinh viên)	455	455			455	
1.2	Kinh phí tiền lương theo ND47/2016/ND-CP;.. (KTX Y tế)	146	146			146	
2	Kinh phí cải cách tiền lương	139	139			139	
2.1	Kinh phí tiền lương theo ND47/2016/ND-CP;.. (KTX Sinh viên)	105	105			105	
2.2	Kinh phí tiền lương theo ND47/2016/ND-CP;.. (KTX Y tế)	34	34			34	
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	292	292			245	47
3.1	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	67	67			20	47
3.2	- Kinh phí điện nước, điện thoại, internet và văn phòng phẩm, vệ sinh dịch tễ, kinh phí xăng, dầu vận hành các thiết bị bơm PCCC và 4 máy phát điện, sửa chữa các thiết bị điện, nước, nhà vệ sinh...	225	225			225	